

Bản án số: 39/2019/HS- PT

Ngày: 06-3-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- T5 phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Khánh Hồng

Các thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Lan Phương

2. Bà Lê Thị Hồng Phương

- Thư ký phiên toà: Bà Diệp Thu Trang, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2019 tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 16/2019/TLPT-HS ngày 07/01/2019 do có kháng cáo của ba bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 90/2018/HS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Bị cáo **Phan Ngọc L** (tên gọi khác: không); sinh ngày 13/2/1983 tại huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ dân phố M, thị trấn HS, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; giới tính: nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Học vấn: 12/12; Bố đẻ: Phan Ngọc M1 – đã chết; Mẹ đẻ: Đồng Thị M2 - 1940. Có vợ là Nông Thị Th – 1980 và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam – Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Phạm Tuấn T**, (tên gọi khác: không); sinh ngày 24/5/1984 tại T5 phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 14, phường T1T2, T5 phố TN, tỉnh Thái Nguyên; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; giới tính: nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Học vấn: 12/12; Bố đẻ: Phạm Ngọc Q - 1947; Mẹ đẻ: Đỗ Thị N - 1949. Có vợ là Đinh Thị H- 1989 và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam – Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Tạc Văn Đ**, (tên gọi khác: không); sinh ngày 07/5/1990 tại huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ dân phố PT3, thị trấn HS, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; Dân tộc: Cao Lan; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; giới tính: nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Học vấn: 12/12; Bố đẻ: Tạc Văn Đ1 – đã chết; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị G - 1963. Có vợ là Trần Thị T4 – 1990 và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam – Có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho các bị cáo L, T và Đ (Do các bị cáo mời) gồm có 2 luật sư: Ông Nguyễn Công Q1 và ông Lê Quang N1 là các luật sư thuộc văn phòng luật sư An Toàn, Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên. (có mặt).

- *Bị hại không kháng cáo*: Công ty TNHH Vonfram Masan do ông Nguyễn Hữu T5 – Giám sát an ninh cao cấp đại diện theo giấy ủy quyền số 2018-01/MTC-UQ ngày 01/10/2018 của Tổng Giám đốc công ty. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12 giờ 45 phút ngày 30/11/2017, Tổ bảo vệ Công ty TNHH khai thác và chế biến khoáng sản Núi Pháo phát hiện bắt quả tang ông Hoàng Đình C – 1947, trú tại Xóm 8, xã HT5 vận chuyển 02 túi nilong bên trong có chứa chất bột nghi là quặng Vonfram đựng trong thùng nước thải. Tổ bảo vệ đã điện báo công an huyện Đại Từ đến lập biên bản và giải quyết theo thẩm quyền. Tiến hành cân khối lượng số chất bột thu giữ là 19,6kg. Tiến hành kiểm tra khu vực nhà vệ sinh công cộng thu giữ thêm 03kg chất bột nghi là quặng Vonfram tại bồn cầu nhà vệ sinh.

Tại cơ quan điều tra, ông Hoàng Đình C khai nhận: Nguồn gốc xô nước rác là ông lấy từ căng tin của Phan Ngọc L, trú tại TDP M, thị trấn HS hợp đồng với Công ty TNHH khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo. Chất bột đựng trong xô nước rác ông C nghi là của L. Qua đấu tranh khai thác, Phan Ngọc L khai nhận:

Tháng 12/2016 Phan Ngọc L cùng vợ là Nông Thị Th ký biên bản thỏa thuận với Công ty TNHH khai thác và chế biến khoáng sản Núi Pháo để tham gia kinh doanh dịch vụ ăn uống tại công ty. Trong quá trình kinh doanh L quen biết Phạm Tuấn T là công nhân bảo trì của Công ty TNHH tỉnh luyện Vonfram Núi Pháo HC. Starck. Tháng 5/2017 L rủ T lấy trộm Vonfram đem ra ngoài bán lấy tiền chia nhau. T đồng ý và về tìm gặp Tạc Văn Đ là công nhân xét nghiệm của công ty lấy Vonfram để cho T mang ra ngoài bán. Số tiền bán được sẽ chia đôi. Bắt đầu từ tháng 7/2017, sau mỗi lần lấy mẫu để xác định tỷ lệ hàm lượng Vonfram Đ không đem mẫu để vào nơi quy định mà để lại trong phòng làm việc rồi gọi điện thoại cho T đến lấy. Lợi dụng việc vào phòng làm việc của công ty, T đến phòng làm việc của Đ lấy quặng rồi cho vào túi quần rồi đem đến

nhà vệ sinh của căng tin để trong bồn chứa nước hoặc trong nồi cơm điện căng tin của L sau đó nhả tin cho L để L cất dấu. Sau khi nhận được hàng, L nhả tin lại cho T biết khối lượng hàng trộm cắp. Từ tháng 7 đến tháng 9 năm 2017 L, T và Đ đã trộm của công ty số Vonfram là 91 kg. Số Vonfram trên L đem bán được 17.600.000 đồng, nhận trước 12.600.000 đồng chia nhau.

Tháng 10/2017 phát hiện Công ty bị mất T sản nên bảo vệ công ty kiểm tra gắt gao nên Đ và T dừng việc trộm Vonfram. Tháng 11/2017 Đ lại tiếp tục dấu mẫu Vonfram để T lấy đem cho L đem ra ngoài tiêu thụ. Ngày 30/11/2017 L gom toàn bộ số Vonfram thành 06 gói nhỏ chia thành 02 túi nilong để trong xô nước rác của ông C để ông C đem ra ngoài thì bị tổ bảo vệ của công ty phát hiện bắt giữ. Như vậy tổng khối lượng Vonfram mà Đ, T và L trộm cắp là 110,6 kg. Số Vonfram thu giữ tại nhà vệ sinh là 03 kg Đ, T và L không thừa nhận đã trộm cắp.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Đại Từ đã tiến hành giám định hàm lượng Vonfram mà Đ, T, L đã trộm cắp và định giá tài sản số Vonfram nêu trên. Tại kết luận giám định số 6167/C54 ngày 04/01/2018 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát-Bộ Công an kết luận số chất bột màu xanh tím gửi đi giám định đều là Oxit Vonfram (WO_3) hàm lượng 99,99%.

Tại kết luận số 57 ngày 28/7/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Đại Từ kết luận 110,6 kg Vonfram có trị giá 71.784.983 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 90/2018/HS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Phan Ngọc L, Phạm Tuấn T và Tạc Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 138; Điểm b, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 (Khoản 2 Điều 46 của BLHS năm 1999 đối với bị cáo L và bị cáo T).Xử phạt:

1.Phan Ngọc L:03 (ba) năm tù. Thời hạn thụ hình tính từ ngày đi thi hành án.

2. Phạm Tuấn T: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn thụ hình tính từ ngày đi thi hành án.

3. Tạc Văn Đ: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn thụ hình tính từ ngày đi thi hành án.

Ngoài ra bản án còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Án sơ thẩm xử xong, ngày 23/11/2018, các bị cáo Phan Ngọc L, Phạm Tuấn T và Tạc Văn Đ đều có đơn kháng cáo không chấp nhận số quặng Vonfram đã bán có hàm lượng 99,99% vì đã lẫn tạp chất do thu dọn từ các mẫu

giám định, từ đó đề nghị xét xử các bị cáo theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa hôm nay, trong phần phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các luật sư bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo hưởng án treo.

Các bị cáo nhất trí với lời bào chữa của các luật sư. Trong lời nói sau cùng các bị cáo xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định là hợp lệ.

[2] Về nội dung: Xét lời khai của các bị cáo Phan Ngọc L, Phạm Tuấn T và Tạc Văn Đ tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người tham gia tố tụng khác, phù hợp với vật chứng thu được và các chứng cứ tài liệu khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Tháng 12/2016 Phan Ngọc L cùng vợ là Nông Thị Th ký biên bản thỏa thuận với Công ty TNHH khai thác và chế biến khoáng sản Núi Pháo để tham gia kinh doanh dịch vụ ăn uống tại công ty. Trong quá trình kinh doanh L quen biết Phạm Tuấn T là công nhân bảo trì của Công ty TNHH tinh luyện Vonfram Núi Pháo HC. Starck. Tháng 5/2017 L rủ T lấy trộm Vonfram đem ra ngoài bán lấy tiền Ca nhau. T đồng ý và về tìm gặp Tạc Văn Đ là công nhân xét nghiệm của công ty lấy Vonfram để cho T mang ra ngoài bán. Số tiền bán được sẽ chia đôi. Bắt đầu từ tháng 7/2017, sau mỗi lần lấy mẫu để xác định tỷ lệ hàm lượng Vonfram Đ không đem mẫu để vào nơi quy định mà để lại trong phòng làm việc rồi gọi điện thoại cho T đến lấy. Lợi dụng việc vào phòng làm việc của công ty, T đến phòng làm việc của Đ lấy quặng rồi cho vào túi quần rồi đem đến nhà vệ sinh của căng tin để trong bồn chứa nước hoặc trong nồi cơm điện căng tin của L sau đó nhắn tin cho L để L cất dấu. Sau khi nhận được hàng, L nhắn tin lại cho T biết khối lượng hàng trộm cắp. Từ tháng 7 đến tháng 9 năm 2017 L, T và Đ đã trộm của công ty số Vonfram là 91 kg. Số Vonfram trên L đem bán được 17.600.000 đồng, nhận trước 12.600.000 đồng chia nhau.

Tháng 10/2017 phát hiện Công ty bị mất tài sản nên bảo vệ công ty kiểm tra gắt gao nên Đ và T dừng việc trộm Vonfram. Tháng 11/2017 Đ lại tiếp tục dấu mẫu Vonfram để T lấy đem cho L đem ra ngoài tiêu thụ. Ngày 30/11/2017 L gom toàn bộ số Vonfram thành 06 gói nhỏ chia thành 02 túi nilong để trong

xô nước rác của ông C để ông C đem ra ngoài thì bị tổ bảo vệ của công ty phát hiện bắt giữ. Như vậy tổng khối lượng Vonfram mà Đ, T và L trộm cắp là 110,6 kg. Số Vonfram thu giữ tại nhà vệ sinh là 03 kg Đ, T và L không thừa nhận đã trộm cắp.

Tại kết luận giám định số 6167/C54 ngày 04/01/2018 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát-Bộ Công an kết luận số chất bột màu xanh tím gửi đi giám định đều là Oxit Vonfram (WO_3) hàm lượng 99,99%.

Tại kết luận số 57 ngày 28/7/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Đại Từ kết luận 110,6 kg Vonfram có trị giá 71.784.983 đồng.

Với hành vi nêu trên, bản án sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo Phan Ngọc L, Phạm Tuấn T và Tạc Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo về việc không chấp nhận số quặng Vonfram đã bán có hàm lượng 99,99% vì đã lẫn tạp chất do thu dọn từ các mẫu giám định, từ đó đề nghị xét xử các bị cáo theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự xin hưởng án treo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong vụ án này, nguồn quặng đều do bị cáo Đ lấy ra, 91 kg quặng lấy trước các bị cáo đã bán không thu hồi được, tang vật vụ án là 19,6 kg quặng đã được cơ quan điều tra trưng cầu giám định và định giá tài sản. Việc giám định hàm lượng và định giá tài sản là do các cơ quan chuyên môn thực hiện theo quy định của pháp luật và phải chịu trách nhiệm của pháp luật về các kết luận đó. Hành vi của các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của công ty đồng thời làm giảm sút lòng tin và ảnh hưởng đến chính sách thu hút đầu tư của các doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam. Bản án sơ thẩm đã đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt các bị cáo mức án như đã tuyên là phù hợp, đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung. Tại phiên tòa hôm nay, không phát sinh tình tiết gì mới nên cần giữ nguyên án sơ thẩm.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị nêu trên.

[5] Xét lời đề nghị của các luật sư bào chữa cho ba bị cáo theo các nội dung đã nhận định nêu trên nên không có căn cứ chấp nhận.

[6] Các quyết định khác không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phan Ngọc L, Phạm Tuấn T và Tạc Văn Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 90/2018/HS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên:

Tuyên bố: Các bị cáo Phan Ngọc L, Phạm Tuấn T và Tạc Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 138; Điểm b, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 (Khoản 2 Điều 46 của BLHS năm 1999 đối với bị cáo L và bị cáo T), Xử phạt: Phan Ngọc L: 03 (ba) năm tù; Phạt Phạm Tuấn T: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; Phạt Tạc Văn Đ: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù của các bị cáo tính từ ngày các bị cáo đi thi hành án.

2. Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326 của UBTVQH 14 về án phí, lệ phí: buộc các bị cáo Phan Ngọc L, Phạm Tuấn T và Tạc Văn Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND T. Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Công an huyện Đại Từ;
- TAND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- THA phạt tù;
- Các bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Khánh Hồng

